

Bản án số: 26/2020/HNGĐ-ST
Ngày 12-02-2020
V/v ly hôn, con chung khi ly hôn

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẦN VĂN THỜI, TỈNH CÀ MAU

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Minh Luân.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Bùi Xuân Minh.
2. Ông Trịnh Văn Điệp.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Phạm Tuyết Ngân – Thư ký Toà án nhân dân huyện Trần Văn Thời.

Trong ngày 12 tháng 02 năm 2020 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 779/2019/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 12 năm 2019 về việc “Ly hôn, con chung khi ly hôn” theo quyết định đưa vụ án xét xử số 20/2020/QĐST-HNGĐ ngày 16 tháng 01 năm 2020 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị **Châu Kim C**, sinh năm: 1986 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp M, xã T, huyện C, tỉnh Cà Mau

2. *Bị đơn:* Anh **Nguyễn Văn T**, sinh năm 1985 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp R, xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 03/12/2019 và các lời khai tại tòa nguyên đơn chị Châu Kim C trình bày:

Về hôn nhân: Chị Châu Kim C và anh Nguyễn Văn T thành hôn năm 2015, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Trần Thới, huyện Cái Nước. Trong thời gian chung sống chị C và anh T phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, sống không hạnh phúc, đã được hàn gắn nhiều lần nhưng không thành. Chị C và anh T sống ly thân khoảng 03 tháng nay. Xét thấy vợ chồng không thể đoàn tụ nên chị C yêu cầu được ly hôn với anh T.

Về con chung: Chị Châu Kim C và anh Nguyễn Văn T có 02 con chung tên Nguyễn Văn D, sinh ngày 16/11/2015 anh T đang nuôi dạy; Nguyễn Thanh C, sinh ngày 29/8/2018 chị C đang nuôi dạy. Chị C yêu cầu nuôi Nguyễn Thanh C, đồng ý giao Nguyễn Văn D cho anh T nuôi dạy, chị C và anh T không phải cấp dưỡng nuôi con.

Tài sản chung, nợ chung: không có, không yêu cầu xem xét, giải quyết.

Bị đơn là anh Nguyễn Văn T trình bày:

Anh T thống nhất nội dung trình bày của chị C về hôn nhân, con chung là đúng. Nguyên nhân mâu thuẫn dẫn đến ly hôn là do chị C nghi ngờ anh T có quen với người phụ nữ khác. Anh T và chị C sống ly thân khoảng 03 tháng nay, anh T đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị C.

Về con chung: Anh Nguyễn Văn T và chị Châu Kim C có 02 con chung tên Nguyễn Văn D, sinh ngày 16/11/2015 anh T đang nuôi dạy; Nguyễn Thanh C, sinh ngày 29/8/2018 chị C đang nuôi dạy. Anh T yêu cầu nuôi Nguyễn Văn D, đồng ý giao Nguyễn Thanh C cho chị C nuôi dạy, anh T và chị C không phải cấp dưỡng nuôi con.

Tài sản chung, nợ chung: không có, không yêu cầu xem xét, giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định.

[1] Xét về thủ tục tố tụng: Bị đơn anh Nguyễn Văn T có nơi cư trú tại huyện Trần Văn Thời, nguyên đơn chị Châu Kim C khởi kiện xin ly hôn với anh Nguyễn Văn T nên Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời thụ lý giải quyết là đúng theo quy định tại Điều 28 và 35 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Xét về hôn nhân: Chị Châu Kim C và anh Nguyễn Văn T thành hôn năm 2015, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Trần Thới, huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau. Được thể hiện tại giấy chứng nhận kết hôn số 12/2015, quyển số 01/2015 ngày 21/01/2015. Xét thấy quan hệ hôn nhân giữa chị Châu Kim C và anh Nguyễn Văn T là hôn nhân hợp pháp, có đăng ký kết hôn theo quy định. Chị C cho rằng trong quá trình chung sống, chị C và anh T phát sinh nhiều mâu thuẫn nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, sống không hạnh phúc, đã được hàn gắn nhiều lần nhưng không thành, chị C và anh T sống ly thân khoảng 03 tháng nay. Tại phiên tòa chị C vẫn giữ y yêu cầu được ly hôn với anh T. Anh T xác định vợ chồng không có khả năng đoàn tụ nên đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị C. Hội đồng xét xử xét thấy, tình trạng hôn nhân giữa chị C và anh T đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Căn cứ Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Châu Kim C.

[3] Xét về con chung: Anh Nguyễn Văn T và chị Châu Kim C có 02 con chung tên Nguyễn Văn D, sinh ngày 16/11/2015 anh T đang nuôi dạy; Nguyễn Thanh C, sinh ngày 29/8/2018 chị C đang nuôi dạy. Tại phiên tòa anh T và chị C thống nhất thỏa thuận anh T trực tiếp nuôi Nguyễn Văn D, chị C trực tiếp nuôi Nguyễn Thanh C, chị C và anh T không phải cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy sự thỏa thuận về con chung giữa chị C và anh T là phù hợp với quy định của pháp luật. Căn cứ Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 giao Nguyễn Văn D, sinh ngày 16/11/2015 cho anh T nuôi dạy, giao Nguyễn Thanh C, sinh ngày 29/8/2018 cho chị C nuôi dạy là phù hợp.

[4] Xét về cấp dưỡng nuôi con: Chị Châu Kim C và anh Nguyễn Văn T không yêu cầu nên không xem xét.

[5] Xét về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu nên không xem xét.

[6] Về án phí: Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Nguyên đơn, phải chịu án phí theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 28; Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, 53, 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Châu Kim C, chị C được ly hôn với anh Nguyễn Văn T.

Về con chung: Giao Nguyễn Văn D, sinh ngày 16/11/2015 cho anh T đang nuôi dạy; giao Nguyễn Thanh C, sinh ngày 29/8/2018 cho chị C nuôi dạy. Chị C, anh T không phải cấp dưỡng nuôi con. Chị C, anh T có quyền thăm nom, chăm sóc con chung không ai có quyền cản trở chị C, anh T thực hiện quyền này.

Về án phí: Án phí hôn nhân và gia đình chị C phải chịu 300.000 đồng. Chị C có nộp tạm ứng án phí là 300.000 đồng, theo biên lai thu tiền số 0002962 ngày 09/12/2019 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau được chuyển thu đối trừ.

Án xử công khai nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

“Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7,7a,7b, 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKS cùng cấp;
- Chi cục THADS huyện TVT;
- UBND nơi cấp GCNKH;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà
(Đã ký)

Võ Minh Luân